

Số: 1155/QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-TM-ĐT ngày 16/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 247/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/4/2017, Quyết định số 598/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 12/9/2017 và Quyết định số 432/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 09/4/2019;

Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM ngày 22/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 961/QĐ-ĐHTM ngày 06/6/2023;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét tốt nghiệp sinh viên chính quy họp ngày 22/5/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp trình độ đại học cho **3396** sinh viên chính quy, gồm các ngành/chuyên ngành (có danh sách kèm theo).

STT	Ngành/Chuyên ngành	Số lượng
I	Chương trình đào tạo chuẩn	
1	Quản trị kinh doanh/Quản trị kinh doanh	250
2	Quản trị kinh doanh/Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh	42
3	Quản trị kinh doanh/Tiếng Pháp thương mại	36
4	Quản trị kinh doanh/Tiếng Trung thương mại	162
5	Quản trị khách sạn/Quản trị khách sạn	12
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	03
7	Marketing/Marketing thương mại	189
8	Marketing/Marketing số	86
9	Marketing/Quản trị thương hiệu	157
10	Kế toán/Kế toán doanh nghiệp	120
11	Kế toán/Kế toán công	67

STT	Ngành/Chuyên ngành	Số lượng
12	Kiểm toán/Kiểm toán	85
13	Kinh doanh quốc tế/Thương mại quốc tế	161
14	Kinh tế quốc tế/Kinh tế quốc tế	93
15	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng/Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	118
16	Kinh tế/Quản lý kinh tế	184
17	Luật kinh tế/Luật kinh tế	96
18	Luật kinh tế/Luật thương mại quốc tế	16
19	Thương mại điện tử/Quản trị Thương mại điện tử	165
20	Hệ thống thông tin quản lý/Quản trị Hệ thống thông tin	120
21	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính - Ngân hàng thương mại	166
22	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính công	44
23	Ngôn ngữ Anh/Tiếng Anh thương mại	224
24	Quản trị nhân lực/Quản trị nhân lực doanh nghiệp	187
II	Chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù	
1	Quản trị khách sạn/Quản trị khách sạn	03
2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	04
III	Chương trình đào tạo chất lượng cao	
1	Quản trị kinh doanh/Quản trị kinh doanh	58
2	Kế toán/Kế toán doanh nghiệp	64
3	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính - Ngân hàng thương mại	58
4	Quản trị nhân lực/Quản trị nhân lực doanh nghiệp	35
IV	Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp	
1	Quản trị khách sạn/Quản trị khách sạn	150
2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	147
3	Hệ thống thông tin quản lý/Quản trị Hệ thống thông tin	74
V	Chương trình đào tạo Kế toán tích hợp chương trình ICAEW CFAB	
1	Kế toán/Kế toán doanh nghiệp	20

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng: Quản lý đào tạo, Kế hoạch Tài chính, Công tác sinh viên, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Trưởng các Khoa/Viện quản lý chuyên ngành đào tạo; các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
NGÀNH KINH TẾ/CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

(Kèm theo Quyết định số 1155 /QĐ-ĐHTM ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP & AN	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn kỹ năng SD CNTT	CĐR CTĐT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	20D160251	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	25/09/2002	K56F4	3.00	120	x	x	x	x	NA	Khá	
2	20D160252	Phạm Thanh Sơn	Nam	02/06/2002	K56F4	2.67	120	x	x	x	x	NA	Khá	
3	21D160116	Nguyễn Thu Hà	Nữ	23/07/2003	K57F1	3.23	125	x	x	x	x	x	Giỏi	
4	21D160164	Trần Hồng Đăng	Nam	24/03/2003	K57F2	2.54	120	x	x	x	x	x	Khá	
5	21D160011	Đặng Lê Như Quỳnh	Nữ	11/10/2003	K57F3	2.61	121	x	x	x	x	x	Khá	
6	21D160013	Bùi Lê Bảo Linh	Nữ	13/11/2003	K57F4	2.62	120	x	x	x	x	x	Khá	
7	21D160352	Phạm Thị Phương Thảo	Nữ	12/08/2003	K57F5	3.20	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
8	22D160001	Nguyễn Lâm An	Nam	09/11/2004	K58F1	3.30	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
9	22D160004	Bùi Thị Phương Anh	Nữ	08/08/2004	K58F1	3.29	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
10	22D160013	Nguyễn Thế Anh	Nam	17/09/2004	K58F1	2.68	120	x	x	x	x	x	Khá	
11	22D160018	Nguyễn Văn Anh	Nữ	07/01/2004	K58F1	3.73	120	x	x	x	x	x	Xuất sắc	
12	22D160041	Nguyễn Bích Diệp	Nữ	27/07/2004	K58F1	2.75	121	x	x	x	x	x	Khá	
13	22D160045	Vũ Thị Phương Dung	Nữ	04/04/2004	K58F1	3.09	120	x	x	x	x	x	Khá	
14	22D160049	Nguyễn Đức Duy	Nam	27/08/2004	K58F1	3.23	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
15	22D160062	Nguyễn Tiên Hải Đăng	Nam	10/01/2004	K58F1	2.46	120	x	x	x	x	x	Trung bình	
16	22D160085	Ngô Thị Thúy Hiền	Nữ	10/05/2004	K58F1	3.17	120	x	x	x	x	x	Khá	
17	22D160088	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	10/12/2004	K58F1	2.56	120	x	x	x	x	x	Khá	
18	22D160093	Đỗ Thị Như Hoàng	Nữ	07/02/2004	K58F1	2.83	120	x	x	x	x	x	Khá	
19	22D160097	Phùng Thị Hồng	Nữ	17/08/2004	K58F1	2.62	120	x	x	x	x	x	Khá	
20	22D160099	Dương Quang Huy	Nam	18/08/2004	K58F1	2.98	120	x	x	x	x	x	Khá	
21	22D160108	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	03/07/2004	K58F1	2.66	120	x	x	x	x	x	Khá	
22	22D160116	Lê Thị Mai Hương	Nữ	17/07/2004	K58F1	3.18	120	x	x	x	x	x	Khá	
23	22D160121	Vũ Thị Thu Hương	Nữ	20/02/2004	K58F1	3.31	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
24	22D160136	Lê Thị Linh	Nữ	13/02/2004	K58F1	2.92	120	x	x	x	x	x	Khá	
25	22D160140	Nguyễn Nhật Linh	Nam	25/09/2004	K58F1	3.38	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
26	22D160142	Nguyễn Thị Linh	Nữ	09/07/2004	K58F1	3.26	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
27	22D160147	Trần Phương Linh	Nữ	03/12/2004	K58F1	2.75	121	x	x	x	x	x	Khá	
28	22D160150	Trần Việt Long	Nam	23/11/2004	K58F1	2.97	121	x	x	x	x	x	Khá	
29	22D160166	Nguyễn Thị Ngọc Minh	Nữ	30/12/2004	K58F1	2.89	121	x	x	x	x	x	Khá	
30	22D160179	Đỗ Thị Ánh Ngọc	Nữ	24/11/2004	K58F1	2.97	120	x	x	x	x	x	Khá	
31	22D160181	Lưu Đình Ngọc	Nam	27/09/2004	K58F1	2.45	121	x	x	x	x	x	Trung bình	
32	22D160198	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	04/09/2003	K58F1	3.48	123	x	x	x	x	x	Giỏi	
33	22D160210	Phạm Hưng Quốc	Nam	21/10/2004	K58F1	2.94	120	x	x	x	x	x	Khá	
34	22D160227	Nguyễn Thu Thảo	Nữ	08/07/2004	K58F1	3.15	120	x	x	x	x	x	Khá	
35	22D160243	Hoàng Thị Kim Thùy	Nữ	29/02/2004	K58F1	3.48	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
36	22D160248	Hoàng Thu Trang	Nữ	09/10/2004	K58F1	2.68	121	x	x	x	x	x	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP & AN	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn kỹ năng SD CNTT	CĐR CTĐT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
37	22D160258	Uông Thị Trà	Nữ	20/07/2004	K58F1	3.74	120	x	x	x	x	x	Xuất sắc	
38	22D160268	Nguyễn Đăng Tú	Nam	23/09/2004	K58F1	3.11	121	x	x	x	x	x	Khá	
39	22D160281	Vũ Tô Hà Vy	Nữ	23/10/2004	K58F1	3.03	121	x	x	x	x	x	Khá	
40	22D160002	Phạm Ngọc An	Nam	21/12/2004	K58F2	3.29	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
41	22D160015	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	28/08/2004	K58F2	3.31	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
42	22D160019	Phan Anh	Nam	23/12/2004	K58F2	2.70	121	x	x	x	x	x	Khá	
43	22D160021	Phạm Phương Anh	Nữ	12/04/2004	K58F2	2.86	121	x	x	x	x	x	Khá	
44	22D160025	Hoàng Thị Ánh	Nữ	25/11/2004	K58F2	3.28	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
45	22D160027	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	08/12/2004	K58F2	3.46	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
46	22D160032	Vũ Khánh Bình	Nữ	04/09/2004	K58F2	3.37	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
47	22D160038	Trần Ngọc Chi	Nữ	16/10/2004	K58F2	3.20	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
48	22D160043	Lưu Mai Dung	Nữ	15/07/2004	K58F2	3.16	121	x	x	x	x	x	Khá	
49	22D160050	Nguyễn Văn Duy	Nam	27/05/2004	K58F2	3.30	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
50	22D160052	Trần Thị Ngọc Duyên	Nữ	06/09/2004	K58F2	3.33	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
51	22D160072	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	20/09/2004	K58F2	3.54	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
52	22D160077	Vũ Thị Hồng Hạnh	Nữ	12/04/2004	K58F2	3.22	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
53	22D160083	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	27/02/2004	K58F2	3.29	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
54	22D160094	Nguyễn Đức Hoàng	Nam	20/09/2004	K58F2	2.92	123	x	x	x	x	x	Khá	
55	22D160098	Trần Thị Hồng	Nữ	24/01/2004	K58F2	3.23	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
56	22D160104	Hà Diệu Huyền	Nữ	03/03/2004	K58F2	2.53	120	x	x	x	x	x	Khá	
57	22D160112	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	16/04/2004	K58F2	2.94	120	x	x	x	x	x	Khá	
58	22D160132	Phạm Thị Ngọc Liên	Nữ	15/01/2003	K58F2	3.41	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
59	22D160137	Lương Thị Khánh Linh	Nữ	01/12/2004	K58F2	3.32	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
60	22D160154	Nguyễn Thị Lụa	Nữ	05/04/2004	K58F2	2.70	121	x	x	x	x	x	Khá	
61	22D160159	Giàng Thị Máo	Nữ	02/05/2004	K58F2	3.43	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
62	22D160164	Lê Nhật Minh	Nam	01/01/2004	K58F2	2.73	120	x	x	x	x	x	Khá	
63	22D160167	Hoàng Hà My	Nữ	01/11/2004	K58F2	2.97	121	x	x	x	x	x	Khá	
64	22D160172	Nguyễn Bá Nam	Nam	13/01/2004	K58F2	2.83	121	x	x	x	x	x	Khá	
65	22D160189	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	20/12/2004	K58F2	2.80	120	x	x	x	x	x	Khá	
66	22D160194	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	07/10/2004	K58F2	3.25	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
67	22D160207	Nguyễn Hưng Quân	Nam	17/12/2004	K58F2	3.19	121	x	x	x	x	x	Khá	
68	22D160212	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	21/02/2004	K58F2	2.90	121	x	x	x	x	x	Khá	
69	22D160228	Phạm Phương Thảo	Nữ	08/06/2003	K58F2	3.13	121	x	x	x	x	x	Khá	
70	22D160233	Trần Quang Thạch	Nam	05/11/2004	K58F2	3.25	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
71	22D160239	Lê Thanh Thu	Nữ	28/09/2004	K58F2	3.17	120	x	x	x	x	x	Khá	
72	22D160249	Ngô Yến Trang	Nữ	13/05/2004	K58F2	2.22	121	x	x	x	x	x	Trung bình	
73	22D160254	Trần Thùy Trang	Nữ	27/08/2004	K58F2	2.71	120	x	x	x	x	x	Khá	
74	22D160260	Vũ Kiều Trinh	Nữ	17/10/2004	K58F2	2.70	120	x	x	x	x	x	Khá	
75	22D160261	Phạm Đức Trung	Nam	29/12/2004	K58F2	2.85	120	x	x	x	x	x	Khá	
76	22D160272	Nguyễn Thị Vân	Nữ	03/05/2004	K58F2	2.89	121	x	x	x	x	x	Khá	
77	22D160277	Nguyễn Khánh Vũ	Nam	21/04/2004	K58F2	2.83	120	x	x	x	x	x	Khá	
78	22D160282	Trần Tú Yên	Nữ	18/04/2004	K58F2	2.70	120	x	x	x	x	x	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP & AN	CDR ngoại ngữ	Chuẩn kỹ năng SD CNTT	CDR CTĐT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
79	22D160003	Trần Thị Hà An	Nữ	25/11/2004	K58F3	3.26	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
80	22D160011	Ngô Thị Kim Anh	Nữ	21/12/2004	K58F3	3.31	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
81	22D160014	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	04/08/2004	K58F3	3.26	122	x	x	x	x	x	Giỏi	
82	22D160020	Phan Minh Anh	Nam	14/04/2004	K58F3	2.96	120	x	x	x	x	x	Khá	
83	22D160026	Lê Thị Ngọc Ánh	Nữ	23/10/2004	K58F3	3.32	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
84	22D160071	Đỗ Ngọc Hà	Nữ	30/06/2004	K58F3	3.27	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
85	22D160078	Dương Thị Hằng	Nữ	14/06/2004	K58F3	3.35	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
86	22D160087	Đinh Ngọc Hiền	Nam	23/03/2004	K58F3	3.00	121	x	x	x	x	x	Khá	
87	22D160090	Nguyễn Văn Hiệp	Nam	25/02/2004	K58F3	3.01	121	x	x	x	x	x	Khá	
88	22D160095	Vũ Huy Hoàng	Nam	22/12/2004	K58F3	3.06	121	x	x	x	x	x	Khá	
89	22D160100	Lê Quang Huy	Nam	07/06/2004	K58F3	2.60	120	x	x	x	x	x	Khá	
90	22D160105	Lê Khánh Huyền	Nữ	02/06/2004	K58F3	2.46	122	x	x	x	x	x	Trung bình	
91	22D160123	Trần Thúy Hường	Nữ	23/10/2004	K58F3	2.76	120	x	x	x	x	x	Khá	
92	22D160138	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	24/01/2004	K58F3	3.12	120	x	x	x	x	x	Khá	
93	22D160144	Nguyễn Thị Phương Linh	Nữ	02/10/2004	K58F3	3.48	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
94	22D160155	Hoàng Thị Lý	Nữ	10/09/2004	K58F3	3.53	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
95	22D160165	Lương Văn Minh	Nam	17/05/2004	K58F3	2.56	120	x	x	x	x	x	Khá	
96	22D160168	Hoàng Thị Trang My	Nữ	01/04/2004	K58F3	3.44	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
97	22D160175	Lê Thị Ngân	Nữ	18/09/2004	K58F3	3.38	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
98	22D160183	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	19/11/2004	K58F3	3.42	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
99	22D160195	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	29/05/2004	K58F3	2.95	120	x	x	x	x	x	Khá	
100	22D160213	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Nữ	21/08/2004	K58F3	3.33	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
101	22D160220	Nguyễn Ngọc Thanh	Nam	02/02/2004	K58F3	3.17	120	x	x	x	x	x	Khá	
102	22D160224	Hoàng Thị Phương Thảo	Nữ	12/08/2004	K58F3	3.65	120	x	x	x	x	x	Xuất sắc	
103	22D160229	Trần Phương Thảo	Nữ	07/09/2004	K58F3	3.33	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
104	22D160240	Nguyễn Thị Thu	Nữ	23/10/2004	K58F3	3.51	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
105	22D160245	Mai Thu Thủy	Nữ	14/12/2004	K58F3	2.97	120	x	x	x	x	x	Khá	
106	22D160250	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	10/01/2004	K58F3	3.37	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
107	22D160255	Võ Ngọc Thùy Trang	Nữ	14/07/2004	K58F3	2.76	120	x	x	x	x	x	Khá	
108	22D160262	Vũ Hoàng Trung	Nam	14/02/2004	K58F3	3.13	121	x	x	x	x	x	Khá	
109	22D160265	Nguyễn Kim Tú	Nữ	18/11/2004	K58F3	3.31	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
110	22D160283	Nguyễn Hải Yến	Nữ	22/11/2004	K58F3	2.65	121	x	x	x	x	x	Khá	
111	22D160009	Lê Hải Anh	Nam	24/02/2004	K58F4	3.01	120	x	x	x	x	x	Khá	
112	22D160017	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	20/10/2004	K58F4	3.13	120	x	x	x	x	x	Khá	
113	22D160023	Trần Đức Hùng Anh	Nam	10/05/2004	K58F4	2.62	120	x	x	x	x	x	Khá	
114	22D160033	Phí Thị Thanh Chà	Nữ	20/04/2004	K58F4	3.21	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
115	22D160035	Lê Hà Chi	Nữ	15/03/2004	K58F4	3.56	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
116	22D160044	Nguyễn Thị Mai Dung	Nữ	12/03/2004	K58F4	3.30	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
117	22D160051	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	13/04/2004	K58F4	2.90	120	x	x	x	x	x	Khá	
118	22D160056	Nguyễn Công Dương	Nam	03/12/2004	K58F4	2.75	120	x	x	x	x	x	Khá	
119	22D160063	Lê Anh Đức	Nam	18/05/2004	K58F4	3.27	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
120	22D160069	Nhữ Hoàng Giang	Nam	12/01/2004	K58F4	3.15	121	x	x	x	x	x	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP & AN	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn kỹ năng SD CNTT	CĐR CTĐT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
121	22D160091	Nguyễn Nhật Hoa	Nữ	17/10/2004	K58F4	3.30	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
122	22D160096	Dương Văn Hòa	Nam	21/08/2004	K58F4	2.68	120	x	x	x	x	x	Khá	
123	22D160101	Nguyễn Đình Huy	Nam	17/01/2004	K58F4	2.76	121	x	x	x	x	x	Khá	
124	22D160139	Nguyễn Mai Linh	Nữ	31/08/2004	K58F4	3.28	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
125	22D160145	Phạm Trần Mai Linh	Nữ	27/08/2004	K58F4	3.22	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
126	22D160149	Nguyễn Quý Long	Nam	21/12/2004	K58F4	3.03	121	x	x	x	x	x	Khá	
127	22D160152	Vũ Tuấn Long	Nam	19/09/2004	K58F4	2.80	120	x	x	x	x	x	Khá	
128	22D160156	Đào Thị Xuân Mai	Nữ	26/07/2004	K58F4	3.06	121	x	x	x	x	x	Khá	
129	22D160161	Trần Thị Mây	Nữ	08/03/2004	K58F4	2.97	120	x	x	x	x	x	Khá	
130	22D160169	Hoàng Thị Trà My	Nữ	12/10/2004	K58F4	3.52	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
131	22D160186	Phạm Văn Nhất	Nam	26/07/2004	K58F4	2.71	120	x	x	x	x	x	Khá	
132	22D160191	Hoàng Thị Nhung	Nữ	23/06/2004	K58F4	2.95	121	x	x	x	x	x	Khá	
133	22D160196	Phan Quỳnh Như	Nữ	10/08/2004	K58F4	3.13	120	x	x	x	x	x	Khá	
134	22D160202	Mai Đức Phúc	Nam	25/11/2004	K58F4	2.90	120	x	x	x	x	x	Khá	
135	22D160204	Lý Hoài Phương	Nữ	07/08/2003	K58F4	2.83	121	x	x	x	x	x	Khá	
136	22D160209	Tào Văn Quân	Nam	15/12/2004	K58F4	2.42	121	x	x	x	x	x	Trung bình	
137	22D160216	Đoàn Sáng	Nam	24/09/2004	K58F4	2.75	121	x	x	x	x	x	Khá	
138	22D160219	Nguyễn Hồng Sơn	Nam	14/04/2004	K58F4	3.09	120	x	x	x	x	x	Khá	
139	22D160221	Nguyễn Viết Thành	Nam	18/11/2004	K58F4	3.30	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
140	22D160225	Nguyễn Thị Kim Thảo	Nữ	25/10/2004	K58F4	3.21	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
141	22D160230	Trần Phương Thảo	Nữ	27/10/2004	K58F4	2.51	120	x	x	x	x	x	Khá	
142	22D160235	Nguyễn Đăng Thắng	Nam	22/09/2004	K58F4	2.94	120	x	x	x	x	x	Khá	
143	22D160241	Trần Thị Thu	Nữ	15/07/2004	K58F4	3.44	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
144	22D160246	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	04/05/2004	K58F4	2.91	123	x	x	x	x	x	Khá	
145	22D160251	Phạm Nguyễn Linh Trang	Nữ	28/06/2004	K58F4	3.15	120	x	x	x	x	x	Khá	
146	22D160256	Vũ Minh Trang	Nữ	27/11/2004	K58F4	2.80	121	x	x	x	x	x	Khá	
147	22D160263	Nguyễn Quang Trường	Nam	17/05/2004	K58F4	3.65	120	x	x	x	x	x	Xuất sắc	
148	22D160267	Trần Trọng Tuyển	Nam	16/10/2004	K58F4	2.76	121	x	x	x	x	x	Khá	
149	22D160274	Hà Thị Khánh Vi	Nữ	02/09/2004	K58F4	2.56	120	x	x	x	x	x	Khá	
150	22D160275	Nguyễn Quang Vinh	Nam	24/01/2004	K58F4	3.26	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
151	22D160008	Đặng Châu Anh	Nữ	13/10/2004	K58F5	3.29	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
152	22D160010	Lê Hoàng Anh	Nam	11/04/2004	K58F5	3.11	121	x	x	x	x	x	Khá	
153	22D160028	Vương Thị Ngọc Ánh	Nữ	23/09/2004	K58F5	3.27	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
154	22D160029	Minh Nguyễn Bảo	Nam	13/11/2004	K58F5	2.82	120	x	x	x	x	x	Khá	
155	22D160046	Vũ Thị Phương Dung	Nữ	13/02/2004	K58F5	3.18	120	x	x	x	x	x	Khá	
156	22D160048	Ngô Đức Duy	Nam	26/09/2004	K58F5	2.84	120	x	x	x	x	x	Khá	
157	22D160053	Lê Hoàng Dũng	Nam	09/12/2004	K58F5	2.75	121	x	x	x	x	x	Khá	
158	22D160054	Lê Bạch Dương	Nữ	28/01/2004	K58F5	3.63	121	x	x	x	x	x	Xuất sắc	
159	22D160057	Dương Tiến Đạt	Nam	28/03/2004	K58F5	3.19	120	x	x	x	x	x	Khá	
160	22D160061	Nguyễn Hải Đăng	Nam	29/09/2004	K58F5	3.63	120	x	x	x	x	x	Xuất sắc	
161	22D160076	Hoàng Thị Hạnh	Nữ	29/06/2004	K58F5	3.41	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
162	22D160079	Hà Thị Hằng	Nữ	24/08/2004	K58F5	3.23	121	x	x	x	x	x	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP & AN	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn kỹ năng SD CNTT	CĐR CTĐT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
163	22D160084	Đào Thu Hiền	Nữ	23/06/2004	K58F5	3.81	120	x	x	x	x	x	Xuất sắc	
164	22D160092	Nguyễn Khải Hoàn	Nam	03/11/2004	K58F5	2.95	120	x	x	x	x	x	Khá	
165	22D160102	Phạm Quang Huy	Nam	16/09/2004	K58F5	3.32	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
166	22D160103	Đào Thị Thanh Huyền	Nữ	02/04/2004	K58F5	3.44	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
167	22D160107	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	09/10/2004	K58F5	2.64	120	x	x	x	x	x	Khá	
168	22D160115	Bùi Thanh Hương	Nữ	30/01/2004	K58F5	3.17	121	x	x	x	x	x	Khá	
169	22D160124	Nguyễn Minh Hữu	Nam	11/06/2004	K58F5	3.22	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
170	22D160128	Nguyễn Như Lan	Nữ	25/06/2004	K58F5	3.17	120	x	x	x	x	x	Khá	
171	22D160131	Mai Trọng Tùng Lâm	Nam	01/04/2004	K58F5	3.13	120	x	x	x	x	x	Khá	
172	22D160135	Đỗ Thùy Linh	Nữ	26/09/2004	K58F5	3.48	123	x	x	x	x	x	Giỏi	
173	22D160141	Nguyễn Phương Linh	Nữ	12/12/2004	K58F5	2.92	120	x	x	x	x	x	Khá	
174	22D160157	Nguyễn Ngọc Mai	Nữ	30/03/2004	K58F5	2.88	120	x	x	x	x	x	Khá	
175	22D160178	Dương Thị Bích Ngọc	Nữ	14/11/2004	K58F5	3.38	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
176	22D160187	Đỗ Yến Nhi	Nữ	29/12/2004	K58F5	3.65	120	x	x	x	x	x	Xuất sắc	
177	22D160200	Vũ Ngọc Phan	Nam	26/08/2004	K58F5	2.78	120	x	x	x	x	x	Khá	
178	22D160206	Tô Đăng Quang	Nam	20/08/2004	K58F5	2.83	121	x	x	x	x	x	Khá	
179	22D160226	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	05/03/2004	K58F5	3.46	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
180	22D160236	Vũ Thành Thắng	Nam	10/01/2004	K58F5	2.89	120	x	x	x	x	x	Khá	
181	22D160242	Vũ Thị Thu	Nữ	21/09/2004	K58F5	3.29	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
182	22D160247	Trần Thị Thanh Thủy	Nữ	20/04/2004	K58F5	2.89	120	x	x	x	x	x	Khá	
183	22D160252	Trần Thị Trang	Nữ	20/08/2004	K58F5	3.65	120	x	x	x	x	x	Xuất sắc	
184	22D160280	Nguyễn Hà Vy	Nữ	04/11/2004	K58F5	3.35	120	x	x	x	x	x	Giỏi	

Ghi chú:

Điểm TBTL: Điểm trung bình tích lũy

Tổng số TCTL: Tổng số tín chỉ tích lũy

GDQP&AN: Giáo dục quốc phòng và an ninh

GDTC: Giáo dục thể chất

CĐR ngoại ngữ: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Chuẩn kỹ năng SD CNTT: Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

CĐR CTĐT: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

NA: Không áp dụng điều kiện

x: Đạt điều kiện

KT. HIỆU TRƯỞNG 
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG


 GS, TS Nguyễn Hoàng Việt